

Số: 299 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 55/TTr-SNNPTNT ngày 10 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm 130 thủ tục hành chính, trong đó:

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 105
- Thủ tục hành chính cấp huyện: 14
- Thủ tục hành chính cấp xã: 11

(Có Phụ lục danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật TTHC công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực

giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC liên quan.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết kèm theo Quyết định này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

- Thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo nội dung cụ thể tại các Quyết định công bố TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên phần mềm Dịch vụ công sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về việc Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế.

5. Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh về việc

công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

9. Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khuyến nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khuyến nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khuyến nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

13. Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị thay thế trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Trồng trọt, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 03/8/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

19. Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 03/8/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế.

20. Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

21. Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

22. Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

23. Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền quản lý của của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

24. Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

25. Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

26. Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

27. Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

28. Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

29. Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

30. Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

31. Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

32. Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh về việc Quyết định Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng (bao gồm thẩm quyền giải quyết Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh)

33. Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

34. Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 11/2/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

35. Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

36. Quyết định số 1872/QĐ-UBND Ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

37. Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

38. Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 11/2/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

39. Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

40. Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

41. Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực

Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế

42. Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi về thời gian giải quyết trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

43. Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 5/9/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi về thời gian thực hiện trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế

44. Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

45. Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

46. Quyết định số 2686 /QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

47. Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT, TT PVHCC, CV: NN;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 299 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường (01 TTHC)					
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (1.009478)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/ 2012 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và công nghệ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan trực tiếp thực hiện: + Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật + Chi cục Chăn nuôi và Thú y + Chi cục Thủy sản + Chi cục Kiểm lâm + Chi cục Quản Lý

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. 	Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản + Chi cục Thủy lợi
II	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)					
2	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (1.008003)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở. 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. 	Sở Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			(https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)			
III Lĩnh vực Bảo vệ thực vật (08 TTHC)						
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	800.000 đồng	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346)	16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	800.000 đồng	- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			.		- Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
5	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) (1.004493)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	600.000 đồng	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/ 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 2471/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật
6	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật (1.004509)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	.	Không	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
7	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (1.003984)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Mức phí được tính theo khối lượng hoặc số lượng lô hàng, cá thể.	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật
8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007931)	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 174/QĐ-BNN-BVTV ngày	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007932)	- 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân) - 05 ngày làm việc đối với Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin, tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).		Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 174/QĐ-BNN-BVTV ngày 09/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật
10	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (1.007933)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Trồng trọt năm 2018. - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					ngành và PTNT.	
IV	Lĩnh vực Chăn nuôi (04 TTHC)					
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (1.008126)	<p>a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi 	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.</p> <p>Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. 	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn/Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>trường mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. <p>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: 		(Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)		

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>				
12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy</p>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội	Sở Nông nghiệp và phát triển

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (1.008127)	<p>đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>	<p>tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.</p> <p>Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) .</p>	<p>điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> <p>(Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)</p>	<p>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</p> <p>- Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	<p>nông thôn/Chi cục Chăn nuôi và Thú y</p>
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục</p>	<p>- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang</p>	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ</p>	<p>Sở Nông nghiệp và phát triển nông</p>

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128)	điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	thôn/Chi cục Chăn nuôi và Thú y
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000đ/01 cơ	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn/Chi

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	trại quy mô lớn (1.008129)	+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	cục Chăn nuôi và Thú y
V	Lĩnh vực Thú y (17 TTHC)					
15	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020; Thông tư số 283/2016/TT-	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	sản xuất thủy sản giống) (1.005327)		Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
16	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh) (2.002132)	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn; - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở ấp trứng; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho	- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY.	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	lạnh bảo quản sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật: 1.000.000 đồng/lần. - Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.	09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 3812/QĐ-BNN-TY ngày 07/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
17	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh (1.005319)				- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.004839)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ . - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT. - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY (được sửa đổi bởi Quyết định 3279/QĐ-BNN-VP) của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
19	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (1.004022)	Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
20	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (1.003810)	- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp có đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận - 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cơ sở chưa được đánh	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.		<p>giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản):</p> <p>300.000 đồng/lần</p> <p>- Chi phí khác:</p> <p>Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số</p> <p>283/2016/TT-BTC ngày</p> <p>14/11/2016</p>	22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp Tỉnh) (1.003781)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	<p>- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia</p>	<p>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm</p>	<p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			(https://dichvucong.gov.vn)	dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016		
22	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại (1.003619)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				<p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>		
23	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (1.003612)	<p>- 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp có đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</p> <p>- 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.</p> <p>Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)</p>	<p>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành</p>	<p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016		
24	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản) (1.003598)	2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
25	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (1.003589)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ		- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016		
26	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (1.003577)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016		
27	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (2.001064)	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
28	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch	- Đối với động vật, sản phẩm động vật		- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày	Chi cục Chăn nuôi

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (1.002338)	xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng		I, III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y. - Chi phí khác: Theo biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/08/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài	và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm và thời gian kiểm dịch;</p>			<p>chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.				
29	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch	Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận (1.002239)		vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000đ/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
30	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (2.000873)	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y. +Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch. +Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ		- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Chi phí khác: Theo biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<p>khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 3 ngày làm việc hoặc không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 1 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.</p>			<p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY ngày 27/6/2019; 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/07/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>	
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.001686)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thừa Thiên	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			<p>Huế. Số 01 Lê Lai, thành phố Huế.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>		<p>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;</p> <p>- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số</p>	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					4014/QĐ-BNN-TY ngày 24/10/2022; 3279/QĐ-BNN-VP ngày của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
VI	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản (05 TTHC)					
32	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)	07 ngày làm việc (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại) hoặc 12 ngày làm việc (nếu cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại) kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian xem xét tính đầy đủ của hồ sơ)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	- 700.000 đồng (Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực) - 350.000 đồng (Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm)	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	04 Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
33	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian xem xét tính đầy đủ của hồ sơ)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục	- 700.000 đồng (Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực) - 350.000 đồng	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-	04 Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (2.001823)		vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	(Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm)	BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	nông thôn: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
34	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian xem xét tính đầy đủ của hồ sơ)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ	- 700.000 đồng (Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực) - 350.000 đồng (Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm)	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	04 Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP) (2.001819)		thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)			Thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
35	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ (2.001241)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
36	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ (2.001838)	- Xử lý hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu hoạch - Xử lý hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu kiểm soát thu hoạch		Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 2316/QĐ-BNN-QLCL ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
VII	Lĩnh vực Thủy sản (22 TTHC)					

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
37	Xóa đăng ký tàu cá (1.003681)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ban hành ngày 21/11/2017 do Quốc hội ban hành. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ban hành ngày 18/01/2022 Sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực thủy sản. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-VP ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Sở nông nghiệp và PTNT Thừa Thiên Huế/ Chi cục thủy sản
38	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (1.003590)	20 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi)	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ban hành ngày 21/11/2017 do Quốc hội ban hành. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 676/QĐ-	Cơ sở đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					BNN-VP ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	
39	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá (1.004056)	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 14 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/08/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Cơ quan thực hiện: Sở nông nghiệp và PTNT Thừa Thiên Huế/ Chi cục thủy sản
40	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (1.003666)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Thủy sản 2017 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017 Luật 18/2017/QH14. - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 676/QĐ-	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					BNN-TCTS ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
41	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003650)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế
42	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003634)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					thôn. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
43	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (1.003586)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t	Không	- Luật thủy sản số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017 - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
44	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (1.003563)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, tiến hành giám sát kỹ thuật tàu cá theo quy chuẩn.	huathienhue.gov.vn)	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ban hành ngày 21/11/2017 do Quốc hội ban hành. - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-VP ngày 18/2/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. 	Cơ sở đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế)
45	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) (1.003593)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản: 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn), Tối đa 700.000 đồng/lần (theo Thông tư số 118/2018/TT-	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Thông tư số 01/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của 	Ban Quản lý Cảng cá Thừa Thiên Huế

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	BTC ngày 28/11/2018).	Bộ Tài chính. - Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
46	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) (1.004918)	Cấp mới: 10 ngày làm việc, cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế
47	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915)	Cấp mới: 10 ngày làm việc, cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với cơ sở sản xuất): 5.700.000 đồng/lần (chưa	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 159/QĐ-BNN-TCTS ngày 17/1/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định		
48	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý) (1.004684)	Cấp mới: 45 ngày làm việc; Trường hợp cấp lại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
49	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) (1.004913)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế
50	Xác nhận nguồn gốc loài thủy	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	tuyến trên Cổng dịch	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành	Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (1.004680)	sơ hợp lệ	vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	tỉnh Thừa Thiên Huế
51	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (1.004656)	Xác nhận nguồn gốc: 03 ngày làm việc; Xác nhận mẫu vật: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Chi cục Thủy sản
52	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017.	Sở Nông nghiệp và Phát triển

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	đóng mới, cải hoán tàu cá (1.004697)		bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.		- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	nông thôn/Chi cục Thủy sản
53	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (1.004359)	Cấp mới: 06 ngày làm việc; Cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	- Cấp giấy phép khai thác thủy sản: 40.000 đồng/lần - Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản: 20.000 đồng/lần	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Chi cục Thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế
54	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (1.004344)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Chi cục Thủy sản

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.		- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	sản
55	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (1.004692)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Chi cục Thủy sản
56	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (1.004923)	Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày làm việc.		Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy sản - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
57	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền	Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (1.004921)	đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày làm việc.	tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)		26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy sản. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
58	Công bố mở cảng cá loại 2 (1.004694)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 05 ngày và UBND tỉnh 01 ngày)		Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 5/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy sản. - Cơ quan

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					PTNT.	thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
VII	Lĩnh vực Lâm nghiệp (14 TTHC)					
59	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập (1.000065)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 38 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
60	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc UBND tỉnh quản lý (1.000084)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 35 ngày và UBND tỉnh 10 ngày)	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
61	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái,	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ		Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày	- Cơ quan trực tiếp

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc UBND tỉnh quản lý (1.000081)	sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 35 ngày và UBND tỉnh 10 ngày)			16/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
62	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (1.000058)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 10 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
63	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh	40 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 33 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)		Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Quỹ Bảo vệ và PTR tỉnh. - Cơ quan thẩm quyền

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	(1.000071)				nông thôn.	quyết định: UBND tỉnh.
64	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055)	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 20 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
65	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm
66	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (3.000160)	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (trường hợp không phải xác		Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/09/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2021/TT-	Chi cục Kiểm lâm

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		minh) (Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc)			BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/04/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
67	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh (1.007916)	Đối với trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế: 47 (bốn mươi bảy) ngày làm việc. Đối với trường hợp UBND tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế: 67 (sáu mươi bảy) ngày làm việc.) (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 40/60 ngày từ trường hợp và UBND tỉnh 7 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
68	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống;	- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	Chi cục Kiểm lâm

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nghiệp (3.000198)			<ul style="list-style-type: none"> - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; - Bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội): 450.000 đồng/cây. - Công nhận vườn cây đầu dòng (hoặc vườn cung cấp hom): 1.000.000 đồng/vườn giống. - Công nhận rừng giống: 2.750.000 đồng/rừng giống. 	<ul style="list-style-type: none"> thôn. - Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND Tỉnh. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07/02/2018 V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. - Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	
69	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	38 ngày làm việc đối với TTHC thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh; 55 ngày làm việc đối với TTHC thuộc thẩm quyền TTCP, 55 ngày làm việc đối với TTHC	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 83/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/07/2020 V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều NĐ số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		thuộc thẩm quyền Quốc hội. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 05 ngày và UBND tỉnh 50 ngày làm việc đối với TTHC thuộc thẩm quyền TTCP/50 ngày làm việc đối với TTHC thuộc thẩm quyền Quốc hội/33 ngày làm việc đối với TTHC thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh	Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		của Luật Lâm nghiệp - Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh/Thủ tướng Chính phủ/Quốc Hội
70	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (1.004815)	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng thì thời hạn cấp không quá 30 ngày làm việc)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22/09/2021 V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực	Chi cục Kiểm lâm

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		vật hoang dã nguy cấp; - Quyết định số 4357a/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
71	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác (1.007917)	35 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 25 ngày và UBND tỉnh 10 ngày)		Không	- Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
72	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và UBND tỉnh 04 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh	Không	- Thông tư số 15/2019 ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ Nông	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư) (1.007918)		Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		nghiệp và Phát triển nông thôn.	lâm. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
VIII	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp (01 TTHC)					
73	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp (1.000025)	Tổng thời gian giải quyết: 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thẩm định đề án: Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định đề án hợp lệ; - Thẩm định Phương án: Không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định; - Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Không	- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ. - Thông tư 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ NN và PTNT về hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ. - Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Kiểm lâm. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt/cơ quan chủ quản: UBND tỉnh.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		Phương án; trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 25 ngày và UBND tỉnh 30 ngày)	(https://dichvucong.huathienhue.gov.vn)		thôn.	
IX	Lĩnh vực Thủy lợi (19 TTHC)					
74	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 02 ngày và UBND tỉnh 01 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 16, Điều 17 và Điểm a, khoản 1, Điều 30 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	của UBND tỉnh (1.003921)		tuyên trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	phê duyệt: UBND tỉnh.
75	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003893)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 02 ngày và UBND tỉnh 01 ngày)		Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 16, Điều 17 và Điểm a, khoản 1, Điều 30 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
76	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý (1.003867)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 23 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			tuyên trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)		nghiệp và Phát triển nông thôn.	phê duyệt: UBND tỉnh.
77	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001796)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 10 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 16, 17, 21, 25 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
78	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001795).	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 10 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 16, 17, 21, 27 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
79	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục	Không	- Điều 43, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 21, 22, 23 của	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý (2.001804)	ngành và PTNT 23 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)	vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	ngành và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
80	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh (2.001793)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày và UBND tỉnh 02 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 16, 17, 21, 26 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
81	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu,	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 20 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 22, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.004427)		Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)		nghiệp và Phát triển nông thôn.	thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
82	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.004385)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày và UBND tỉnh 02 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 16, 17, 21, 24 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
83	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện:

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001791)	(Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 07 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		- Điều 13, 16, 17, 21, 22 của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
84	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 10 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13; 28; Khoản 1, 2 và điểm a, khoản 3, Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	tỉnh (2.001426)					
85	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (2.001401)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 03 ngày và UBND tỉnh 02 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 28; Khoản 1,2, điểm b, khoản 3, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
86	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003880)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 07 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 13, 28; Khoản 1,2 và điểm c, khoản 3, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
87	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh (1.003870)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 07 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Điều 28; Khoản 1, 2 và điểm c, khoản 3, Điều 29, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2525/QĐBNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
88	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003232)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 23 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐBNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
89	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 10		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003221)	ngày và UBND tỉnh 05 ngày)	(https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)		04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐBNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
90	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003211)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và 05 ngày tại UBND tỉnh)		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐBNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
91	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003203)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và 05 ngày tại UBND tỉnh)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐBNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt:

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)			UBND tỉnh.
92	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (1.003188)	Không quy định		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐBNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
X	Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (03 TTHC)					
93	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.008410)	Không quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1957/QĐBNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
94	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.008409)	03 ngày và 02 ngày tại UBND tỉnh)	chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		1957/QĐBNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	03 ngày và 02 ngày tại UBND tỉnh) nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
95	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.008408)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 02 ngày và UBND tỉnh 01 ngày)		Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 1957/QĐBNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục Thủy lợi. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.
XI	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (07 TTHC)					
96	Công nhận làng nghề truyền thống (1.003727)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 25 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ. - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục PTNT

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.tuathienhue.gov.vn)		06/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.	
97	Công nhận nghề truyền thống (1.003712)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 25 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)		Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ. - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục PTNT
98	Công nhận làng nghề (1.003695)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 25 ngày và UBND tỉnh 05 ngày)		Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ. - Quyết định 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục PTNT
99	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	Chi cục PTNT

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	(1.003524)		tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)		- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 492/QĐ-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
100	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (1.003486)	03-07 ngày làm việc (tùy phương thức). - Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 492/QĐ-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Chi cục PTNT
101	Hỗ trợ dự án liên kết (1.003397)	25 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và UBND tỉnh 10 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. - Quyết định 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/ Chi

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Huế.			cục PTNT
102	Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh (1.003327)	70 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 67 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT/Chi cục PTNT
XII	Lĩnh vực Nông nghiệp (03 TTHC)					
103	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (1.003388)	18 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: Số 01 Lê Lai, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế.	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT
104	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (1.003371)	18 ngày làm việc (Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 15 ngày và UBND tỉnh 03 ngày)	Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT
105	Phê duyệt kế	60 ngày làm việc	(https://dichvucong.t huathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số	- Cơ quan

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hoạch khuyến nông địa phương (1.003618)	(Trong đó: Sở Nông nghiệp và PTNT 53 ngày và UBND tỉnh 07 ngày)	huathienhue.gov.vn)		83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	phê duyệt: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và PTNT

* **Ghi chú:** Nội dung chi tiết các TTHC kèm theo Quyết này thực hiện theo nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

- Trường hợp cá nhân hoặc tổ chức nộp hồ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 299 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I						
Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (03 TTHC)						
1	Bố trí ổn định dân cư trong huyện (1.003281)	30 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh (1.003319)	60 ngày làm việc		Không		- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3	Hỗ trợ dự án liên kết (1.003434)	25 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					phủ. - Quyết định 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	(hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
II Lĩnh vực Lâm nghiệp (02 TTHC)						
4	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000175)	04 ngày làm việc; trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Hồ sơ nộp trực tiếp, hoặc qua đường bưu điện đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/09/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
5	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư) (1.007919)	19 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Hạt Kiểm lâm cấp huyện - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
III Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)						

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
6	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003605)	60 ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2519/QĐ- BNN- KHCV ngày 29/6/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
IV	Lĩnh vực Thủy lợi (05 TTHC)					
7	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp (2.001627)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Quyết định 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
8	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (1.003347)		Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)		114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
9	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (1.003471)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.003459)		hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)		4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	nhân dân cấp huyện.
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.003456)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
V	Lĩnh vực Thủy sản (03 TTHC)					
12	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.003956)	Công khai phương án: 03 ngày làm việc; Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), tham mưu ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/04/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
13	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.004498)	Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/04/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
14	Công bố mở cảng cá loại 3 (1.004478)	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá; b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Bộ luật số 18/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/11/2017. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/04/2019 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế). - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*** Ghi chú:**

- Nội dung từng TTHC cụ thể đã được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.
- Trường hợp cá nhân hoặc tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện để chuyển đến Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 299 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (01 TTHC)						
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (1.008838)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	- Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/05/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
II Lĩnh vực Nông nghiệp (01 TTHC)						
2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003596)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/05/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
III Lĩnh vực Thủy lợi (03 TTHC)						
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng	07 ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ	Không	- Luật Thủy lợi số	

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (2.001621)	làm việc	vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)		08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ. - Quyết định 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446)	20 ngày làm		Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.	UBND cấp xã
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440)	20 ngày làm việc		Không	- Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
IV	Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (05 TTHC)					
6	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163)	07 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Không	Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. - Quyết định 3499/QĐ-	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
7	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162)	15 ngày làm việc	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không	BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
8	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091)	25 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 3641/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
9	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (1.010092)	30 ngày làm việc		Không	- Quyết định số 3641/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp xã
10	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai (2.002161)	15 ngày làm việc		Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					triển nông thôn.	
V	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)					
11	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (1.008004)	05 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn)	Không quy định	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ. - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND cấp Xã

*** Ghi chú:**

- Nội dung từng TTHC cụ thể đã được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.
- Trường hợp cá nhân hoặc tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.